

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/DS-ST

Ngày: 29 – 11 – 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Hoàng Kha

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Trụ sở: Số 266 – 268, đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm: 1973, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trương Yến Ng, sinh năm: 1991, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Tín dụng tiêu dùng - Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - Chi nhánh C, (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 85A/12, cầu R, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn - chị Trương Yến Ng trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 11/3/2015, ông Trần Văn C đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, đề nghị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - Chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cấp thẻ tín dụng, hạn mức đề nghị cấp là 25.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất tại thời điểm cấp thẻ tín dụng là 2,5%/tháng, ông C thống nhất bị ràng buộc bởi Điều Khoản và Điều Kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng cùng với nội dung theo Giấy đề nghị nêu trên. Trên cơ sở đề nghị của

ông C, ngày 12/3/2015, Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng cho ông C với hạn mức 25.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch 02 thẻ với tổng số tiền 53.143.996 đồng (trong đó: Thẻ Family giao dịch với số tiền 20.500.000 đồng, thẻ Master giao dịch với số tiền 32.643.996 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ đến ngày 05/3/2019, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 55.211.624 đồng (trong đó: Thẻ Family thanh toán với số tiền 25.151.423 đồng, thẻ Master thanh toán với số tiền 30.060.201 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều Khoản và Điều Kiện của thẻ tín dụng.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều của bản Điều Khoản và Điều Kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06/6/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng với ông C và chuyển tòa bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều Khoản và Điều Kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 29/11/2021, ông C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 57.171.417 đồng, gồm các khoản: Đối với thẻ Family: Vốn 10.000.000 đồng, lãi trong hạn: 10.304.542 đồng, lãi quá hạn: 5.152.272 đồng. Đối với thẻ Master: Vốn 15.000.000 đồng, lãi trong hạn: 11.143.068 đồng, lãi quá hạn: 5.571.535 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi đến ngày 29/11/2021 với số tiền 57.171.417 đồng và yêu cầu ông C tiếp tục thanh toán lãi phát sinh với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký đến khi ông C thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông C vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C là đúng theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng tín dụng đương sự đã ký kết được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng đã ký nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng giữa Ngân hàng với ông C, ông C được cấp hạn mức tín dụng 25.000.000 đồng đối với thẻ dụng Family và Master. Ông C đã rút tiền nhiều lần với tổng số tiền 53.143.996 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông C thanh toán vốn và lãi hàng tháng đúng hạn một thời gian, sau đó thì ngưng thanh toán cho đến nay. Ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán liên tiếp nhiều kỳ theo quy định tại bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06/6/2019, Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ sang dư nợ

gốc và tính lãi quá hạn đối với từng thẻ tín dụng là đúng theo quy định tại mục 23 của bản Điều khoản và Điều kiện nêu trên. Căn cứ vào số dư nợ gốc, lãi suất thỏa thuận, có căn cứ xác định đến ngày 29/11/2021, ông C còn nợ Ngân hàng khoản nợ với tổng số tiền vốn và lãi là 57.171.417 đồng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông C thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 với tổng số tiền 57.171.417 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền án phí đã dự nộp theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

- Buộc bị đơn ông Trần Văn C thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 với tổng số tiền 57.171.417 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

- Buộc ông Trần Văn C tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khoản lãi phát sinh theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do ông C ký đề nghị ngày 11/3/2015, được Ngân hàng phê duyệt ngày 12/3/2015 kể từ ngày 30/11/2021 đến khi ông C thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trần Văn C phải chịu 2.858.000 đồng (chưa nộp). Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí. Ngày 24/5/2021 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.269.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0001098) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn C vắng mặt

tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Quốc